UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ GIANG** Số: 3981 /QĐ-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *TP. Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án Quy hoạch hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30//2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/ NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 4611/QĐ-UBND, ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Hà Giang V/v Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Hà Giang (nay là thành phố Hà Giang) giai đoạn 2007-2025;

Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo tại thành phố Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND thành phố Hà Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo; Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND thành phố Hà Giang về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoach chi tiết Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo tại thành phố Hà Giang;

Căn cứ Văn bản số 4832/BCH-PTM ngày 22/11/2019 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang về việc tham gia ý kiến vào đồ án Quy hoạch chi tiết khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo; Văn bản số 855/SXD-QH ngày 29/11/2019 của Sở Xây dựng Hà Giang về tham gia ý kiến thống nhất vào nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo;

Xét Tờ trình số 167a/TTr-BĐT-FLC ngày 18/11/2019 của Công ty cổ phần Tập đoàn FLC và Báo cáo thẩm định số 280/TB-QLĐT ngày 04/12/2019 của Phòng quản lý đô thị thành phố Hà Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ Quy hoạch hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo thành phố Hà Giang với các nội dung sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

2. Vị trí và phạm vi giới hạn:

Khu vực quy hoạch có vị trí thuộc địa phận khu vực núi Mỏ Neo, nằm trên địa giới hành chính của phường Minh Khai và phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

3. Diện tích lập quy hoạch:

Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 29,75ha.

4. Tính chất của khu vực lập quy hoạch:

Đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại nhằm thúc đẩy và giải quyết nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng tại thành phố Hà Giang, cung cấp các dịch vụ như: Dịch vụ lưu trú cao cấp, dịch vụ du lịch trải nghiệm, du lịch thể thao....

5. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu vực quy hoạch là khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái phù hợp với điều kiện địa hình, kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật chung với các dự án liền kề khu vực. Cụ thể như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Diện tích đất xây dựng công trình (m2)	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa (tầng)
	Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch		**29,75**			
	Tổng đất xây dựng Khu A+B		**17,86**	**44.650**	**23%**	
I	**Khu A**		**11,07**			
1	Tổ hợp dịch vụ 01 (Khách sạn -	DV-01	8,14	20.350	25%	10

2	Khu vực khai thác môi trường rừng	DR	2,59	-	-	-
3	Đất giao thông		0,34	-	-	-
II	**Khu B**		**18,68**			
1	Tổ hợp dịch vụ 02	DV-02	3,99	9.975	25%	4
2	Tổ hợp dịch vụ 03	DV-03	1,93	4.825	25%	4
3	Tổ hợp dịch vụ 04	DV-04	0,79	1.975	25%	2
4	Tổ hợp dịch vụ 05	DV-05	0,63	1.575	25%	2
5	Tổ hợp dịch vụ 06	DV-06	0,74	1.850	25%	2
6	Tổ hợp dịch vụ 07	DV-07	1,64	4.100	25%	2
7	Khu vực khai thác môi trường rừng	DR	7,36	-	-	-

5.1 Khu tổ hợp dịch vụ 01 (Khách sạn – Resort – Bungalow):

Ký hiệu ô đất – DV-01: Là khu chức năng chính của toàn khu quy hoạch, có vị trí tại cửa ngõ phía Bắc toàn khu với diện tích 8,14ha, mật độ xây dựng tối đa 25%.

Hạt nhân của khu là công trình Khách sạn cao 10 tầng bao gồm các chức năng: Dịch vụ chung, nhà hàng, trung tâm hội nghị quốc tế, bể bơi, phòng khách sạn…

Các chức năng phụ trợ bao gồm: Bãi đỗ xe, Bến xe điện, Bungalow được bố trí xung quanh hồ cảnh quan trung tâm và Club house.

5.2 Khu tổ hợp Dịch vụ 02:

Ký hiệu ô đất – DV-02: Có vị trí tại phía Bắc thuộc khu B của dự án với diện tích 3,99ha, mật độ xây dựng tối đa 25%.

Định hướng bố trí các công trình dịch vụ thấp tầng bám dọc theo tuyến trục giao thông chính toàn khu, tầng cao tối đa 4 tầng.

Các lớp phía trong bố trí đường nội bộ đi xe điện, công viên cây xanh, bãi đỗ xe và các Bungalow nghỉ dưỡng.

5.3 Khu tổ hợp dịch vụ 03:

Ký hiệu ô đất – DV-03: Có vị trí tại phần giữa khu quy hoạch với diện tích 1,93ha, mật độ xây dựng tối đa 25%.

Hạt nhân của khu là phố đi bộ được tổ chức thành tuyến, dọc hai bên bố trí các công trình dịch vụ cao tối đa 4 tầng. Tại các vị trí đầu của tuyến bố trí quảng trường công viên cây xanh và công trình Club house.

Các công trình Bungalow nghỉ dưỡng bố trí dọc theo trục chính toàn khu.

5.4 Khu tổ hợp Dịch vụ 04,05,06,07:

Ký hiệu ô đất – DV-04, DV-05, DV-06, DV-07: Được bố trí thành các cụm tại các khu vực có địa hình bằng phẳng, thuận lợi xây dựng khác trong khu quy hoạch. Tổng diện tích đất xây dựng các khu Bungalow nghỉ dưỡng là 3,8ha, mật độ xây dựng tối đa 25%, tầng cao tối đa 2 tầng.

5.5 Khu vực khai thác môi trường rừng:

Ký hiệu – DR: Đây là khu vực đất rừng, định hướng không xây dựng công trình kiên cố trong khu vực này. Khai thác tổ chức các hạng mục phục vụ nhu cầu du lịch. Tổng diện tích đất rừng là 9,95ha.

5.6 Đất hạ tầng kỹ thuật:

Là quỹ đất dành để phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu với tổng diện tích khoảng 1,94ha. Đây là quỹ đất dành cho các chức năng như: đường giao thông, khu xử lý rác thải, bãi đỗ xe ...vv được bố trí theo yêu cầu của từng khu vực trong khu vực quy hoạch và các yêu cầu chuyên ngành, phân tán vào các khu chức năng chính nêu trên.

5.7 Bảng cơ cấu chức năng sử dụng đất:

Stt	Tên công trình	Diện tích (m2)	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa (tầng)
I	**Tổ hợp dịch vụ 01**	**81.400**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công trình	20.350		
-	*Khách sạn*	*2.690*		*10*
-	*Nhà câu lạc bộ (Club house)*	*550*		*1*
-	*Công trình dịch vụ thấp tầng*	*2.970*		*4*
-	*Bungalow*	*14.140*		*2*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	61.050		
II	**Tổ hợp dịch vụ 02**	**39.900**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công trình	9.975		
-	*Công trình dịch vụ thấp tầng*	*7.738*		*4*
-	*Bungalow*	*2.237*		*2*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	29.925		
III	**Tổ hợp dịch vụ 03**	**19.300**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công trình	4.825		
-	*Nhà câu lạc bộ (Club house)*	*550*		*1*
-	*Công trình dịch vụ thấp tầng*	*4.275*		*4*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	14.475		
IV	**Tổ hợp dịch vụ 04**	**7.900**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công trình	2.370		
-	*Bungalow*	*2.370*		*2*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	5.530		
V	**Tổ hợp dịch vụ 05**	**6.300**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công	1.890		

	trình			
-	*Bungalow*	*1.890*		*2*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	4.410		
VI	**Tổ hợp dịch vụ 06**	**7.400**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công trình	2.220		
-	*Bungalow*	*2.220*		*2*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	5.180		
VII	**Tổ hợp dịch vụ 07**	**16.400**	**25%**	
1	Diện tích đất xây dựng công trình	4.920		
-	*Nhà câu lạc bộ (Club house)*	*550*		*1*
-	*Bungalow*	*4.370*		*2*
2	Giao thông nội bộ, sân vườn, cây xanh cảnh quan	11.480		

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống HTKT tuân thủ theo định hướng quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang đến năm 2025;.

Nội dung cụ thể các hệ thống HTKT như sau:

6.1. Quy hoạch giao thông:

a) Đường giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường giao thông đối ngoại kết nối dự án với thành phố Hà Giang. Phương án và vị trí đấu nối hệ thống giao thông của Thành Phố sẽ được xác định cụ thể trong các giai đoạn lập dự án;
- Tuyến đường có mặt cắt 1-1, chiều rộng 11.50m, Lòng đường rộng 3.75*2=7.50m, vỉa hè rộng 2*2 = 4.00m.

b) Đường giao thông nội bộ:

- Mặt cắt 2-2, chiều rộng 11.00m, bao gồm lòng đường rộng 3.5*2=7.00m, vỉa hè rộng 2*2 = 4.0m.
- Mặt cắt 3-3, chiều rộng 10.00m, bao gồm lòng đường rộng 3.0*2=6.00m, vỉa hè rộng 2*2 = 4.0m.
- Mặt cắt 4-4, chiều rộng 9.50m, bao gồm lòng đường rộng 2.75*2=5.50m, vỉa hè rộng 2*2 = 4.0m.
- Mặt cắt 5-5, chiều rộng 8.00m, bao gồm lòng đường rộng 3.0*2=6.00m, vỉa hè 1 bên rộng 2.0m.
- Mặt cắt 6-6, chiều rộng 7.00m, bao gồm lòng đường rộng 1.5*2=3.00m, vỉa hè rộng 2*2 = 4.0m.

** Mặt cắt đường*

- Các tuyến đường trong khu đô thị thiết kế mặt cắt ngang đường 2 mái dốc, độ dốc ngang 2% hướng bề hệ thống thoát nước mưa thu 2 bên, độ dốc ngang hè 1.5% hướng về phía lòng đường.

** Các nút giao*

- Trong khu vực lập quy hoạch các nút giao cắt chủ yếu là ở các ngã ba, ngã

tư, tuy nhiên với quy mô mặt cắt ngang đường vừa phải và việc phân cấp mạng lưới đường mạch lạc, hợp lý (xung đột giữa các luồng giao thông không lớn) nên chỉ bố trí các nút giao thông cùng mức. Hình thái nút giao thông cùng mức này vừa phải giảm được chi phí xây dựng đồng thời vẫn đảm bảo được khả năng lưu thông tốt của các phương tiện giao thông.

- Bán kính bó vỉa trong phạm vi nút trung bình là 10m tối thiểu 3m.

** Kết cấu áo đường*

- Thiết kế áo đường: Tuỳ thuộc vào chức năng cũng như ý nghĩa của từng tuyến đường, kết cấu áo đường trong khu ở sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập Dự án ĐTXD.

** Hồ sơ cắm mốc*

- Cắm mốc đường:

+ Hệ thống cắm mốc đường thiết kế cắm theo tim tuyến các trục đường trong bản đồ quy hoạch giao thông và bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500.

+ Tọa độ X và Y của các mốc thiết kế được xác định trên lưới tọa độ của bản đồ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500 theo tọa độ VN2000 do chủ đầu tư cung cấp.

Chỉ giới đường đỏ: Chỉ giới đường đỏ của mạng lưới đường được xác định trên cơ sở các mặt cắt ngang điển hình và thể hiện chi tiết trên bản đồ quy hoạch giao thông.

- Chỉ giới xây dựng: Chỉ giới xây dựng đối với công trình nhà ở liên kế trùng với chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch; chỉ giới xây dựng đối với công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp: các chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch = 6m.

+ Lập bản vẽ chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường giao thông trong khu vực nhằm tạo cơ sở cho việc xác định các tuyến đường ngoài thực tế trên cơ sở các toạ độ tim đường thiết kế và kích thước các mặt cắt ngang của mỗi loại đường.

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO THÔNG

Stt	Mặt cắt	B mặt đường	B vỉa hè	Lộ giới	Chiều dài Đường
		m	m	m	m
I	**Đường giao thông đối ngoại**				
1	Mặt cắt 1-1	7,50	4,00	11,50	1686,24
II	**Đường giao thông nội bộ**				
1	Mặt cắt 2-2	7,00	4,00	11,00	1304,66
2	Mặt cắt 3-3	6,00	4,00	10,00	358,16
3	Mặt cắt 4-4	5,50	4,00	9,50	1185,52
4	Mặt cắt 5-5	6,00	2,00	8,00	372,45
5	Mặt cắt 6-6	3,00	4,00	7,00	1700,37
Tổng khối lượng					**6.607,40**

6.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

** San nền:*

- Chỉ san gạt cục bộ đối với từng công trình. Thực hiện cân bằng đào đắp. Tôn trọng tối đa cốt nền tự nhiên. Bố trí các mái ta luy, tường chắn để ổn định nền, tránh sạt lở, đảm bảo an toàn cho khu vực và các khu dân cư xung quanh.

- Cao độ thiết kế san nền thấp nhất: 330.00m (phía Tây Bắc ranh giới).

- Cao độ thiết kế san nền cao nhất: 550.00m (phía Đông Nam ranh giới).

- Đối với các khu vực san gạt lớn, khu vực ranh giới có nguy cơ gây sạt lở đối với khu dân cư dưới chân núi cần tạo mái taluy, tường chắn ổn định nền, đảm bảo chống sạt lở.

- Lựa chọn cao độ nền đảm bảo giao thông thuận tiện.

** Thoát nước mưa:*

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa,.....

- Tại ranh giới khu vực quy hoạch xây dựng hệ thống mương đón nước mưa từ sườn đồi theo các rãnh đỉnh và chân taluy, hạn chế tối đa nước tràn xuống khu dân cư dưới chân đồi, nước mưa sau khi thu gom được thoát vào hệ thống thoát nước mưa hiện có của khu vực.

- Dọc tuyến đường trục chính được bố trí 4 loại mương B600, B800, B1000, B1200 để đảm bảo khả năng thu thoát nước mưa tốt nhất.

- Bố trí hệ thống mương B600 thu nước mưa bao quanh dự án tại chân taluy, mương được thiết kế tự chảy theo địa hình sau đó được đấu nối vào các tuyến mương B800, B1000, B1200 tại đường trục chính.

6.3. Cấp nước:

- Nguồn nước: Nước sạch được cấp từ tuyến ống quy hoạch với nguồn nước từ nhà máy nước của thành phố Hà Giang. Vị trí đấu nối nguồn cấp nước của Thành Phố tại cuối đường Trần Hưng Đạo đoạn giao cắt với đường Lý Tự Trọng. Ngoài ra, nguồn nước còn được lấy từ giếng khoan trong khu vực dự án trong trường hợp không dẫn được nước từ nhà máy nước của thành phố Hà Giang.

- Mạng lưới: Từ trạm bơm tăng áp bơm nước theo tuyến ống D110, D50 chạy dọc tuyến chính khu vực quy hoạch cấp cho toàn bộ khu vực dự án. Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

Xây dựng 5 trạm bơm để bơm nước phục vụ các khu vực trong dự án.

6.4. Cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện được cấp điện từ tuyến cáp trung thế 22kv từ thành phố Hà Giang lên khu dự án.

- Dự kiến xây dựng mới 03 trạm biến áp 22/0,4kv trong đó:

+ Trạm TBA01-1 đặt tại khu đất gần khách sạn – Resort – Trung tâm HNQT.

+ Trạm TBA01-2 đặt phía cuối khu đất khách sạn – Resort – Trung tâm HNQT.

+ Trạm TBA01-3 đặt ở giữa hai khu đất DV6 và DV7.

- Để đảm bảo an toàn và mỹ quan, trạm biến áp 22/0,4kv dự kiến sử dụng loại trạm xây hoặc trạm kios.

- Lưới điện: Xây dựng mới các tuyến đường dây hạ áp nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ quan khu vực. Tiết diện dây dẫn được lựa chọn phù hợp với mật độ, phụ tải của từng khu vực và thỏa mãn điều kiện tổn thất điện áp nhỏ hơn 5%.

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế phù hợp với cảnh quan môi trường, cảnh quan kiến trúc, tạo ra được các điểm nhấn. Thiết kế hệ thống điện cho quảng cáo, lễ hội.

6.5. Thông tin liên lạc:

Nguồn cấp: Từ tổng đài thành phố Hà Giang đến dự án.

Mạng lưới: được kết hợp đi cùng lưới điện hạ thế của khu đảm bảo các tiểu chuẩn kỹ thuật và mỹ quan khu vực.

Nhu cầu cung ứng dịch vụ thông tin của khu quy hoạch khoảng 2245 số.

Dự kiến xây dựng mới 01 tủ cáp với dung lượng: Tủ cáp TC-01 dung lượng 2000 số đặt tại khu đất hỗn hợp thương mại dịch vụ của dự án.

6.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

Các công trình phát sinh nước thải sinh hoạt đều phải có bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ tại chỗ. Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải công suất khoảng 920m^3/ngày đặt tại khu đất DV-02.

Chất lượng nước thải sau khi xử lý có giá trị ô nhiễm phải đảm bảo theo QCVN 14/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) mới được xả ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý được xả vào hồ điều hòa để kiểm soát chất lượng và làm sạch lần cuối bằng phương pháp sinh học tự nhiên và được tái sử dụng để tạo cảnh quan, để tưới cây, rửa đường...

Xây dựng 01 trạm trung chuyển chất thải rắn.

Trên các trục đường cần đặt các thùng rác con công cộng khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1thùng để người dân thuận tiện bỏ rác. CTR sinh hoạt, du lịch, dịch vụ được thu gom và vận chuyển hàng ngày đến trạm trung chuyển rồi đưa đến nơi xử lý CTR của Thành phố.

7. Khái toán Chi phí lập quy hoạch :

Stt	Hạng mục chi phí	Định mức		Khối lượng	Thành tiền (đã bao gồm VAT)	
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch	35.377.140	đồng/ha	17,86	695.019.292	đồng
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	9,41	%	631.835.720	65.425.492	đồng

3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	20,00	%	65.425.492	13.085.098	đồng
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	8,84	%	631.835.720	55.873.661	đồng
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	8,21	%	631.835.720	51.853.110	đồng
6	Chi phí công bố quy hoạch	3	%	631.835.720	18.955.072	đồng
7	Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư	2	%	631.835.720	12.636.714	đồng
	Giá trị (sau thuế)				912.848.440	đồng

Bằng chữ: *Chín trăm mười hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*

Điều 2. Công ty Cổ phần Nam Sông Hồng tư vấn chịu trách nhiệm về các số liệu trình duyệt của đồ án Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái núi Mỏ Neo, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Công ty cổ phần Tập Đoàn FLC có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan công bố công khai đồ án quy hoạch đã được phê duyệt; triển khai xây dựng theo quy hoạch và theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao phòng Quản lý đô thị thành phố, UBND các phường: Minh Khai, Trần Phú có trách nhiệm kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch được duyệt, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên & Môi trường; Thủ trưởng các phòng ban có liên quan, Chủ tịch UBND các phường Minh Khai; Trần Phú, Công ty cổ phần Tập đoàn FLC và các đơn vị có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Các Sở: Xây dựng; GTVT; TN&MT; KH&ĐT; NN&PTNT;
- Bộ CHQS tỉnh;
- TTr. Thành ủy;
- TTr. HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT.UBND TP;
- Các phòng ban CN thành phố;
- UBND các phường: Minh Khai; Trần Phú;
- Công ty cổ phần Tập đoàn FLC;
- Lưu: VT, QLĐT (20b).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Phương Lan